

THÔNG BÁO
Tuyển sinh cao học đợt 3 năm 2026

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Luật Hà Nội (ban hành kèm theo Quyết định số 2318/QĐ-ĐHLHN ngày 04/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội), căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026 đã xác định, Trường Đại học Luật Hà Nội thông báo tuyển sinh cao học đợt 3 năm 2026 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Đối tượng dự tuyển là công dân Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp theo quy định tại Mục III Thông báo này.

Riêng đối với thí sinh đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Thí sinh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

(i) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

(ii) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

(iii) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và các quy định hiện hành có liên quan hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

Các văn bằng, chứng chỉ nói trên phải được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền, theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 3478/QĐ-ĐHLHN ngày 04/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Hướng dẫn xác định văn bằng, chứng chỉ đáp ứng điều kiện về năng lực ngoại ngữ, năng lực Tiếng Việt trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cũng như các quy định có liên quan của Trường Đại học Luật Hà Nội.

Các văn bằng, chứng chỉ phải còn hiệu lực tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển hợp lệ theo Thông báo tuyển sinh. Các biểu mẫu, văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ Trường công nhận được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại mục Cổng tuyển sinh.

c) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự;

d) Có đủ sức khỏe để học tập;

đ) Nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Trường.

2. Đối tượng dự tuyển là người nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện dự tuyển tại điểm a, c, d, đ mục 1 phần I Thông báo này, đồng thời phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và điều kiện về hồ sơ đăng ký dự tuyển phải tuân theo quy định riêng đối với người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

II. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Tên chương trình đào tạo ¹	Hình thức đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Luật theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380101)	Chính quy	52
2	Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380102)	Chính quy	19
3	Luật hiến pháp và luật hành chính theo định hướng ứng dụng (mã số: 8380102)	Chính quy	29
4	Luật dân sự và tổ tụng dân sự theo định hướng ứng dụng (mã số: 8380103)	Chính quy	16
5	Luật hình sự và tổ tụng hình sự theo định hướng ứng dụng (mã số: 8380104)	Chính quy	23
6	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380105)	Chính quy	15

¹ Thí sinh đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu phải tốt nghiệp từ hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

Số TT	Tên chương trình đào tạo ¹	Hình thức đào tạo	Chỉ tiêu tuyển sinh
7	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380106)	Chính quy	11
8	Luật kinh tế, chuyên ngành Chính sách và pháp luật về biến đổi khí hậu theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380107)	Chính quy	29
9	Luật quốc tế theo định hướng nghiên cứu (mã số: 8380108)	Chính quy	11
Tổng cộng			205

Ghi chú:

- Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh cao học đợt 3 năm 2026 của các ngành đào tạo đảm bảo nguyên tắc không vượt quá tổng chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành đào tạo theo quy định. Việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh sẽ được thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Trường chỉ tổ chức đào tạo ngành/định hướng nếu số lượng thí sinh trúng tuyển ngành/định hướng từ 15 người trở lên. Trong trường hợp số lượng thí sinh trúng tuyển ngành/định hướng dưới 15 người, Trường sẽ tiến hành gộp với các lớp tuyển sinh trước đó.

III. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP CỦA TỪNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ VIỆC HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI DỰ TUYỂN

1. Danh mục ngành phù hợp của các chương trình đào tạo (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông báo*).

2. Căn cứ vào quy định của chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quyết định về các trường hợp phải học bổ sung kiến thức và các học phần cụ thể thí sinh phải học bổ sung trước khi dự tuyển.

IV. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Thí sinh nộp đầy đủ Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

1) Phiếu đăng ký dự tuyển (*sử dụng mẫu xuất từ hệ thống sau khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công*). Mỗi thí sinh có thể đăng ký tối đa 3 nguyện vọng dự tuyển theo các ngành đào tạo cùng định hướng có thông báo tuyển sinh.

2) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học hoặc bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc văn bản có giá trị tương đương; bản sao có chứng thực bằng điểm đại học hoặc văn bản khác có giá trị tương đương.

Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, thí sinh phải nộp bản sao có chứng thực văn bản công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trừ trường hợp quốc gia nơi thí sinh tốt nghiệp đại học có Hiệp định công nhận văn bằng với Việt Nam hoặc thí sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo cử đi học và đã được tiếp nhận trở lại (*trong trường hợp này thí sinh phải nộp bản sao Hiệp định công nhận văn bằng hoặc bản sao có chứng thực các quyết định liên quan đến việc cử đi học, tiếp nhận trở lại sau khi hoàn thành khóa học*) và bản dịch chứng thực bằng điểm.

3) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài/sư phạm tiếng nước ngoài và bản sao có chứng thực bằng điểm hoặc bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ chứng minh năng lực ngoại ngữ theo quy định tại điểm b khoản 1 Mục I Thông báo này.

Đối với chứng chỉ ngoại ngữ do tổ chức nước ngoài cấp, thí sinh phải cung cấp các minh chứng và thông tin về cơ sở cấp chứng chỉ, địa điểm tổ chức thi (trao đổi email liên hệ hoặc Giấy xác nhận của cơ sở tổ chức thi, Phiếu đăng ký dự thi có thể hiện địa điểm thi) để xác định văn bằng, chứng chỉ được cấp bởi các cơ sở có thẩm quyền và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp này, thí sinh phải nộp Giấy cam đoan (*theo mẫu*) về tính xác thực của thông tin về cơ sở cấp chứng chỉ, địa điểm tổ chức thi.

Lưu ý: Điểm b khoản 4 Điều 2 Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) quy định: “*ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ*”. Thí sinh cần nhắc kỹ ngoại ngữ sử dụng trong tuyển sinh để có thể đáp ứng điều kiện đầu ra trình độ thạc sĩ (tương đương Bậc 4).

Do hiện nay chưa có đơn vị nào tại Việt Nam đề xuất hồ sơ để được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ đối với tiếng Nga² (trừ Phân viện Puskin trực thuộc Cục Hợp tác quốc tế – Bộ Giáo dục và Đào tạo³), Trường Đại học Luật Hà Nội tạm ngừng tuyển sinh đối với ngoại ngữ đầu vào là tiếng Nga cho đến khi có thông báo mới. Trường hợp ngoại lệ, thí sinh vẫn được sử dụng tiếng Nga làm ngoại ngữ đầu vào nếu thuộc một trong các đối tượng sau: (i) Đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ Nga; (ii) Đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Nga.

4) Bản sao có chứng thực hoặc Bản sao trích lục Giấy khai sinh.

² Theo Danh sách đơn vị được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài tại Việt Nam (cập nhật đến 21/7/2025) do Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố tại Website: <https://vqa.moet.gov.vn/vi/thong-bao-quan-ly-vb-cc/thong-bao/danh-sach-don-vi-lien-ket-to-chuc-thi-cap-chung-chi-nang-luc-ngoai-ngu-cua-nuoc-ngoai-50.html>

³ Phân viện Puskin được cấp chứng chỉ tiếng Nga trên cơ sở Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Tổ chức và hoạt động của Phân viện với tư cách là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Cục Hợp tác quốc tế – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại mục Công tuyển sinh) có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang làm việc hoặc của chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú.

6) Tài liệu minh chứng về thâm niên, kinh nghiệm công tác kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (nếu có) (theo mẫu xác nhận đăng trên Cổng thông tin điện tử của Trường tại mục Công tuyển sinh hoặc bản sao chứng thực Sổ bảo hiểm xã hội có ghi nhận quá trình tham gia bảo hiểm làm minh chứng cho thời gian công tác).

7) Tài liệu minh chứng về các sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có) (bản photo sản phẩm khoa học; bản sao chứng thực bằng khen, giấy khen, quyết định hoặc các văn bản khác có giá trị tương đương. Trường hợp sản phẩm khoa học là báo cáo khoa học tại hội thảo/hội nghị không do Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức thì phải kèm theo xác nhận của đơn vị tổ chức hội thảo/hội nghị).

8) Giấy chứng nhận của bệnh viện đa khoa có thẩm quyền về việc thí sinh có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu.

9) Hai (02) ảnh cỡ 4cm x 6cm (ảnh thẻ, chụp không quá 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ), sau ảnh ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, ngành đào tạo đăng ký dự tuyển nguyện vọng 1 và cho vào phong bì riêng có ghi rõ tên thí sinh.

10) Bản sao có chứng thực các giấy tờ xác nhận về đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

V. KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Kế hoạch tuyển sinh:

a) Thời hạn nộp hồ sơ dự tuyển: Từ ngày 21/9/2026 đến ngày 30/9/2026.

b) Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển theo hướng dẫn sau:

- Thí sinh tải mẫu “Sơ yếu lý lịch” và các mẫu tài liệu khác tại Công tuyển sinh trên Cổng thông tin điện tử của Trường để làm hồ sơ đăng ký dự tuyển.

- Thí sinh đăng ký dự tuyển trực tuyến theo Hướng dẫn tại Công tuyển sinh trên Cổng thông tin điện tử của Trường. Đường link đăng ký được đăng tải trên Công tuyển sinh.

- Sau khi đã đăng ký trực tuyến thành công, thí sinh tải “Phiếu đăng ký dự tuyển” xuất từ hệ thống đăng ký dự tuyển trực tuyến. Thí sinh nộp bản cứng hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại Phòng Đào tạo sau đại học (giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6). Đối với các thí sinh ở ngoài Hà Nội có thể chuyển hồ sơ đăng ký dự tuyển qua đường bưu điện (theo địa chỉ: Phòng Đào tạo sau đại học Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87 Nguyễn Chí Thanh, Giảng Võ, Hà Nội).

- Thí sinh nộp tiền dịch vụ tuyển sinh bằng hình thức chuyển khoản theo quy định tại Mục VI. Thông báo tuyển sinh

- Thí sinh được coi là đã hoàn thành thủ tục đăng ký dự tuyển đúng hạn khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Trường, nộp bản cứng hồ sơ đăng ký dự tuyển tại Phòng Đào tạo sau đại học (hoặc đã chuyển hồ sơ qua đường bưu điện, thời điểm nộp hồ sơ được xác định là thời điểm trên dấu bưu điện gửi đi), nộp tiền dịch vụ tuyển sinh theo Thông báo tuyển sinh trong thời gian quy định.

c) Đánh giá hồ sơ dự tuyển: Dự kiến từ ngày 14/10/2026 đến ngày 08/11/2026.

d) Công bố kết quả trúng tuyển: Dự kiến từ ngày 16/11/2026 đến ngày 17/11/2026.

đ) Nhận đơn đề nghị xét phúc khảo, xét phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo trên Cổng thông tin điện tử của Trường; quyết định công nhận trúng tuyển bổ sung và công bố kết quả trúng tuyển bổ sung (nếu có): Dự kiến từ ngày 23/11/2026 đến ngày 27/11/2026.

e) Tổ chức nhập học online: Dự kiến từ ngày 30/11/2026 đến ngày 13/12/2026.

2. Phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Luật Hà Nội tuyển sinh trình độ thạc sĩ theo phương thức xét tuyển. Cụ thể như sau:

a) Trường tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với các thí sinh dự tuyển dựa trên các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam được xác định tại Mục I.1.b Thông báo này.

b) Trường tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển làm căn cứ xác định trúng tuyển, việc đánh giá được thực hiện theo thang điểm 100 và dựa trên các tiêu chí sau:

(i) Kết quả học tập ở bậc đại học được thể hiện thông qua điểm trung bình chung học tập toàn khóa học;

(ii) Thâm niên, kinh nghiệm công tác kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (tính cộng dồn thời gian thực tế làm việc);

(iii) Kết quả đánh giá sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

(iv) Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ từ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

c) Nguyên tắc xác định trúng tuyển: Người trúng tuyển là người đạt năng lực ngoại ngữ đầu vào tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; có tổng điểm đánh giá xếp loại năng lực đạt từ 40,0 điểm trở lên và xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của mỗi ngành đào tạo. Tổng điểm đánh giá xếp loại năng lực thí sinh được tính như sau:

$$TĐĐGXL = KQDH + TNCT + SPKH + TĐNN$$

(trong đó: - TĐĐGXL: Tổng điểm đánh giá xếp loại

- KQDH: Điểm đánh giá kết quả học tập ở bậc đại học
- TNCT: Điểm đánh giá thâm niên, kinh nghiệm công tác
- SPKH: Điểm đánh giá sản phẩm, hoạt động khoa học
- TĐNN: Điểm đánh giá trình độ ngoại ngữ trên mức chuẩn đầu vào bậc 3/6)

Trường hợp nhiều thí sinh có tổng điểm đánh giá xếp loại năng lực bằng nhau thì ưu tiên xác định thí sinh trúng tuyển theo thứ tự sau đây:

(i) Thí sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo Mục VII.1 Thông báo này;

(ii) Thí sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao nhóm ngành pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội;

(iii) Thí sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao nhóm ngành pháp luật của các cơ sở đào tạo uy tín khác;

(iv) Thí sinh được đào tạo bậc đại học trở lên ở nước ngoài theo phương thức đào tạo toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng Anh;

(v) Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế thì thí sinh có điểm chứng chỉ cao hơn được ưu tiên;

(vi) Thí sinh có kết quả học tập bậc đại học cao hơn;

(vii) Thí sinh có điểm đánh giá đối với sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia cao hơn (đối với thí sinh đăng ký dự thi vào chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu).

d) Trong trường hợp thí sinh không trúng tuyển theo nguyện vọng 1, Hội đồng tuyển sinh sẽ xét tuyển theo nguyện vọng 2. Nếu thí sinh vẫn không trúng tuyển theo nguyện vọng 2, Hội đồng tuyển sinh sẽ xét tuyển theo nguyện vọng 3 ghi trong Phiếu đăng ký và hồ sơ dự tuyển của thí sinh.

đ) Xét tuyển thẳng: Thí sinh được xét tuyển thẳng vào học thạc sĩ nếu có kết quả xếp hạng tốt nghiệp đại học nhóm ngành pháp luật loại xuất sắc của các cơ sở đào tạo uy tín trong nước hoặc nước ngoài (chương trình học tập trung) và có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Bằng tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên ở nước ngoài theo phương thức đào tạo toàn thời gian mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo hoàn toàn bằng tiếng nước ngoài.

Chỉ tiêu tuyển thẳng nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh của mỗi chương trình đào tạo theo quy định tại Mục II Thông báo này.

VI. MỨC HỌC PHÍ, MỨC THU DỊCH VỤ TUYỂN SINH VÀ KHOẢN THU DỊCH VỤ KHÁC CHO LỘ TRÌNH TỪNG NĂM HỌC, CẢ KHÓA HỌC

1. Mức thu học phí:

- Học phí năm học 2026 – 2027 (theo Quyết định số 243/QĐ-ĐHLHN ngày 05/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội): 1.469.000 đồng/tín chỉ.

- Học phí năm học 2027-2028 và năm học 2028 – 2029: Theo quy định của Trường về học phí áp dụng trong mỗi năm học và được thông báo cho người học trước khi bắt đầu năm học mới.

(Sinh viên chính quy khóa 47 Trường Đại học Luật Hà Nội tốt nghiệp loại xuất sắc được cấp học bổng sau đại học theo quyết định của Trường)

2. Mức thu dịch vụ tuyển sinh:

Mức thu dịch vụ tuyển sinh là **700.000 đồng/thí sinh**, bao gồm chi phí xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển và tổ chức đánh giá, xếp loại năng lực của thí sinh.

- Thí sinh thanh toán sau khi đăng ký xét tuyển trực tuyến.

- Thời gian thanh toán: Từ ngày 21/9/2026 đến ngày 30/9/2026.

- Khi thanh toán phí dịch vụ tuyển sinh, nếu có vướng mắc, thí sinh thông báo tới bộ phận thu phí, lệ phí của Trường để được giải đáp và hướng dẫn qua hộp thư điện tử: hocphihiu@gmail.com

- Lưu ý: Trường không hoàn lại số tiền thí sinh đã nộp.

VII. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

1. Đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Nội dung chính sách ưu tiên trong tuyển sinh:

Thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được xem xét ưu tiên khi xác định trúng tuyển theo thứ tự quy định tại điểm c khoản 2 Mục V Thông báo này.

3. Thời gian, hình thức học tập dự kiến:

- Lớp Cao học Khóa 34 đợt 3 năm 2026 dự kiến bắt đầu học từ Học kỳ II năm học 2026-2027;
- Lớp dự kiến được tổ chức giảng dạy vào hai buổi tối trong tuần theo hình thức trực tuyến, buổi sáng và buổi chiều thứ 7 theo hình thức trực tiếp hàng tuần.

Thí sinh cần biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo sau đại học (Phòng 12A.05 nhà A), Trường Đại học Luật Hà Nội, số 87 Nguyễn Chí Thanh, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội. Điện thoại: (024) 37730302; (024) 38352354 (giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6).

Nơi nhận:

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có nhu cầu đào tạo;
- Cổng thông tin điện tử của Trường và Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Bộ GD & ĐT, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Đảng ủy (để b/c);
- Các Phó hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, ĐTSĐH.



Tô Văn Hòa

Phụ lục I
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Thông báo số 1485/TB-ĐH-LHN ngày 12 tháng 8 năm 2026 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

1. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

2. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật hiến pháp và luật hành chính, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

3. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

4. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

5. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

6. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101);

ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

7. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật kinh tế, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108); ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận.

8. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Luật quốc tế, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm: ngành Luật thương mại quốc tế (mã số 7380109); ngành Luật (mã số 7380101); ngành Luật hiến pháp và luật hành chính (mã số 7380102); ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự (mã số 7380103); ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự (mã số 7380104); ngành Luật kinh tế (mã số 7380107); ngành Luật quốc tế (mã số 7380108) và các mã ngành luật khác hoặc ngành luật ở nước ngoài được Trường Đại học Luật Hà Nội chấp nhận. 

Phụ lục II
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI NĂNG LỰC CỦA THÍ SINH
 (Kèm theo Thông báo số 1185 /TB-ĐHLHN ngày 12 tháng 8 năm 2026 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

1. Kết quả học tập ở bậc đại học được thể hiện thông qua điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, tối đa 50 điểm, theo các thang điểm cụ thể như sau:

TT	Điểm trung bình chung học tập toàn khóa học ở bậc đại học	Điểm đánh giá
1.	Xuất sắc (từ 3,6 đến 4,0 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	50,0 điểm
2.	Giỏi (từ 3,2 đến 3,59 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	45,0 điểm
3.	Khá (từ 2,5 đến 3,19 theo thang điểm 4 hoặc tương đương)	40,0 điểm
4.	Trung bình (từ 2,0 đến 2,49 theo thang điểm 4 hoặc tương đương). <i>Riêng đối với thí sinh dự tuyển vào CTĐT theo định hướng nghiên cứu, phải kèm theo điều kiện có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu theo quy định của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>	35,0 điểm

2. Thâm niên, kinh nghiệm công tác kể từ khi tốt nghiệp đại học luật (tính cộng dồn thời gian thực tế làm việc), tối đa 15,0 điểm đối với định hướng nghiên cứu và tối đa 25,0 điểm đối với định hướng ứng dụng, theo thang điểm như sau:

- Đối với định hướng nghiên cứu:

TT	Thâm niên, kinh nghiệm công tác	Điểm đánh giá
1	Từ 10 năm trở lên	15,0 điểm
2	Từ 08 năm đến dưới 10 năm	12,0 điểm
3	Từ 06 năm đến dưới 08 năm	9,0 điểm
4	Từ 04 năm đến dưới 06 năm	7,0 điểm
5	Từ 02 năm đến dưới 04 năm	5,0 điểm
6	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	3,0 điểm

- Đối với định hướng ứng dụng:

TT	Thâm niên, kinh nghiệm công tác	Điểm đánh giá
1	Từ 10 năm trở lên	25,0 điểm
2	Từ 08 năm đến dưới 10 năm	20,0 điểm
3	Từ 06 năm đến dưới 08 năm	15,0 điểm
4	Từ 04 năm đến dưới 06 năm	10,0 điểm
5	Từ 02 năm đến dưới 04 năm	5,0 điểm
6	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	3,0 điểm

3. Kết quả đánh giá sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (nếu có nhiều sản phẩm cùng một hạng mục thì mỗi sản phẩm đều được tính điểm và được cộng vào tổng điểm nhưng không vượt quá mức tối đa), tối đa 25,0 điểm đối với định hướng nghiên cứu và tối đa 15,0 điểm đối với định hướng ứng dụng, theo thang điểm cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia	Điểm đánh giá
1	<i>Đề tài, đề án nghiên cứu khoa học các cấp</i> (trong trường hợp có nhiều người tham gia, số điểm sẽ được chia đều cho các thành viên)	
	- Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp Nhà nước	15,0 điểm
	- Thư ký, tác giả chuyên đề đề tài, đề án cấp Nhà nước	10,0 điểm
	- Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp Bộ	10,0 điểm
	- Thư ký, tác giả chuyên đề đề tài, đề án cấp Bộ	5,0 điểm
	- Chủ nhiệm đề tài, đề án cấp cơ sở	5,0 điểm
	- Thư ký, tác giả chuyên đề đề tài, đề án cấp cơ sở	3,0 điểm
2	<i>Sản phẩm nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng</i> (trong trường hợp có nhiều người tham gia, số điểm sẽ được chia đều cho các thành viên)	
	- Giải thưởng cấp quốc gia (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	10,0 điểm
	- Giải thưởng cấp bộ (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	7,0 điểm
	- Giải thưởng cấp cơ sở (giải nhất, nhì, ba)	3,0 điểm
3	<i>Bài báo, báo cáo đăng trên ấn phẩm, tạp chí chuyên ngành luật</i> (trong trường hợp đồng tác giả, số điểm sẽ được chia đều cho các tác giả)	
	- Thuộc danh mục Web of Science hoặc SCOPUS	12,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 1 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	10,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 0,75 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	8,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 0,5 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	4,0 điểm
	- Thuộc danh mục tạp chí được tính 0,25 điểm theo quy định của Hội đồng giáo sư Nhà nước	2,0 điểm
4	<i>Sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập</i> (trong trường hợp đồng chủ biên/ tác giả, số điểm sẽ được chia đều cho các chủ biên/tác giả)	
	- Chủ biên sách, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản quốc tế có uy tín	15,0 điểm
	- Tác giả chương sách, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản quốc tế có uy tín	12,0 điểm
	- Chủ biên sách chuyên khảo của nhà xuất bản có uy tín trong nước	12,0 điểm
	- Tác giả chương sách chuyên khảo của nhà xuất bản có uy tín	8,0 điểm

TT	Sản phẩm/hoạt động khoa học đã công bố/tham gia	Điểm đánh giá
	trong nước	
	- Chủ biên sách tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản trong nước	8,0 điểm
	- Tác giả chương sách tham khảo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn học tập của nhà xuất bản trong nước	5,0 điểm
5	<i>Báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo có phản biện</i> (trong trường hợp đồng tác giả, số điểm sẽ được chia đều cho các tác giả)	
	- Hội nghị/hội thảo quốc tế tổ chức ở nước ngoài	10,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo quốc tế tổ chức tại Việt Nam	8,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo cấp quốc gia	6,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo cấp bộ	4,0 điểm
	- Hội nghị/hội thảo cấp cơ sở	3,0 điểm
6	<i>Tham gia ban soạn thảo, tổ biên tập các văn bản pháp luật</i>	
	- Ban soạn thảo, tổ biên tập các văn bản Luật, Nghị định hoặc tương đương	8,0 điểm
	- Ban soạn thảo, tổ biên tập các thông tư hoặc văn bản quy phạm pháp luật tương đương cấp Bộ; tham gia soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật của UBND cấp tỉnh	6,0 điểm
7	<i>Đạt giải thưởng trong các cuộc thi tranh tụng, hùng biện, phiên tòa giả định hoặc các cuộc thi khác liên quan đến lĩnh vực pháp luật</i> (trong trường hợp có nhiều người tham gia, số điểm sẽ được chia đều cho các thành viên)	
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi quốc tế (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	12,0 điểm
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp quốc gia (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	10,0 điểm
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp bộ (giải nhất, nhì, ba và khuyến khích)	8,0 điểm
	- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi cấp cơ sở (giải nhất, nhì, ba)	6,0 điểm

4. Trình độ ngoại ngữ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tối đa 10,0 điểm theo thang điểm cụ thể:

TT	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá
1	Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ở nước ngoài.	10,0 điểm
2	Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành sư phạm tiếng nước ngoài/ngôn ngữ nước ngoài; hoặc tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ	8,0 điểm

TT	Trình độ ngoại ngữ	Điểm đánh giá
	yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.	
3	Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.	5,0 điểm

[Handwritten signature]